

Bản án số : 139/2022/HNGĐ-PT

Ngày : 24/10/2022

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H N

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: **Bà T Th X Th**

Các thẩm phán: **Bà Ph Th M**

Ông Tr Đ H

Thư ký phiên toà : **Bà Tr V H - Thư ký TAND Thành phố H N**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H N : Bà Ng Nh Q
- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân Thành Phố H N xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số : 117 /2022/TLPT-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 05 /10/2022; giữa các đương sự :

1.Nguyên đơn: Anh L V Tr, sinh năm 1977 (có mặt).

Nơi ĐKKHKT : Thôn Th Ph, xã Đ P, huyện Ch M, Thành phố H N .

Hiện trú: Số 40/52 đường Tr Th D, ấp 5, xã Đ Th, huyện H M, Thành phố H Ch M.

2.Bị đơn: Chị Đ Th M, sinh năm 1978 (có mặt).

Nơi ĐKKHKT và cư trú: Thôn Th Ph, xã Đ Ph, huyện Ch M, Thành phố H N .

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung án sơ thẩm : Anh L V Tr trình bày : Anh và chị Đ Th M tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 18/5/2000 tại UBND xã Y Ph (nay là thị trấn Y Th), huyện Y M, tỉnh N B. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chung sống và làm việc tại Thành phố H Ch M đến năm 2004 thì về quê ở thôn Th Ph, xã Đ Ph, huyện Ch M. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do chị M bảo thủ, hờn lảo, ngang ngược. Đến năm 2013, vì không thể chung sống với nhau được nên anh Tr vào Thành phố H Ch M sống để ly thân vì không muốn xảy ra xung đột, ảnh hưởng đến tâm lý của các con. Cũng từ năm 2013 đến nay, anh Tr chỉ về nhà khi có công việc hệ trọng, chị M cũng không liên lạc gì với anh, vợ chồng không quan tâm đến nhau. Trong quá trình đi làm ăn xa anh có gửi tiền về cho chị

M thông qua ông chú anh là ông L V Đ; chị Ng Th T và chị Ng Th Th đều là bạn của chị M. Đến khi các cháu lớn có giấy chứng minh nhân dân thì anh gửi tiền về cho cháu Đ hoặc cháu Th. Năm 2020, anh nộp đơn ly hôn chị M tại Tòa án nhân dân huyện Ch M. Tòa án đã xét xử bác đơn xin ly hôn của anh để vợ chồng về đoàn tụ với nhau. Tuy nhiên, vợ chồng anh không thể hòa hợp và về chung sống với nhau được, mỗi người ở mỗi nơi, anh vào Thành phố H Ch M sinh sống còn chị M cùng các con ở nhà. Vợ chồng cũng không liên lạc, quan tâm gì đến nhau. Chị M cho rằng anh có quan hệ với chị Ph và có con riêng với chị Ph là không đúng. Nay anh xác định không còn tình cảm vợ chồng, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Vợ chồng anh có 03 con chung là: cháu L T Th, sinh ngày 17/4/2002; cháu L T Đ, sinh ngày 28/01/2004; cháu L Th Th, sinh ngày 14/10/2006. Hiện tại cháu Th và cháu Đ đã trưởng thành, không có nhược điểm về thể chất, tinh thần nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Th1 từ trước đến giờ vẫn ở với mẹ nên cháu có nguyện vọng ở với ai thì anh tôn trọng theo quyết định của cháu. Về tài sản chung, công nợ chung: Anh xác nhận vợ chồng không có không yêu cầu tòa giải quyết.

Bị đơn chị Đ Th M trình bày: Chị và anh L V Tr có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 18/5/2000 tại UBND xã Y Ph (nay là thị trấn Y Th), huyện Y M, tỉnh N B. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau ở Thành phố H Ch M. Đến năm 2004 vợ chồng chị về quê anh Tr ở thôn Th Ph, xã Đ Ph, huyện Ch M sinh sống. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì anh Tr vào Thành phố H Ch M để làm ăn và sinh sống, chỉ đến ngày giỗ bố anh Tr thì anh Tr mới về nhà sau đó đi luôn. Khi vào Thành phố H Ch M, bốn tháng đầu tiên anh Tr có gửi tiền về để chu cấp nuôi dưỡng các con cùng với chị. Sau đó, anh Tr có gửi tiền đóng học cho các con thông qua chú của anh Tr được một lần. Từ đó đến nay anh Tr không gửi tiền nuôi dưỡng, ăn học cho các con nữa và cũng không quan tâm gì đến bốn mẹ con chị. Cuối năm 2013, chị gọi điện liên lạc thì anh Tr không nghe máy cũng không quan tâm, hỏi han gì bốn mẹ con chị. Sau đó chị nghe thông tin anh Tr có quan hệ với người khác tên là Ph ở xã Đ Th, huyện H M, Tp. H Ch M. Chị đã gửi hai con lớn ở hàng xóm và đưa cháu út vào Thành phố H Ch M để tìm anh Tr. Chị có gặp được chị Ph và chị Ph có thừa nhận là giữa chị Ph và anh Tr có quan hệ với nhau nhưng chị Ph không biết anh Tr đã có vợ con. Sau đó, anh Tr đưa con gái về quê ở Ch M trước còn chị thì đến nhà bố mẹ đẻ ở Thành phố H Ch M để thăm và về quê sau. Khi chị về nhà anh Tr ở xã Đ Ph, huyện Ch M thì anh Tr cũng có ở nhà cùng với ba con. Tuy nhiên anh Tr lại thỏa thuận với chị để anh Tr đi làm ăn xa lấy tiền nuôi con còn chị ở nhà chăm con nhưng anh Tr không gửi tiền về nuôi con, một mình chị tự làm nuôi 03 con, anh Tr cũng không quan tâm gì đến chị và các con. Nay anh Tr xin ly hôn chị không đồng ý ly hôn. Về con chung: Chị xác nhận vợ chồng chị có 03 con chung là: cháu L T Th, sinh ngày 17/4/2002; cháu L T Đ, sinh ngày 28/01/2004; cháu L Th Th, sinh ngày 14/10/2006. Hiện tại cháu Th và cháu Đ đã trưởng thành, không có nhược điểm về thể chất, tinh thần. Cháu Th1 từ trước đến nay vẫn ở với chị. Chị không đồng ý ly hôn nên không đưa ra quan điểm về con

chung. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu Tòa án quyết.

Với nội dung trên tại bản án số 314 /2022 ngày 12/7/2022 của tòa án nhân huyện Ch M đã áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, Điều 39, 146, 147, 262, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; áp dụng Điều 26; khoản 5 Điều 27 Nghị định 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. **Xử** : 1.Về hôn nhân: Anh L V Tr được ly hôn chị Đ Th M. 2.Về con chung: Cháu L T Th, sinh ngày 17/4/2002 và cháu L T Đ, sinh ngày 28/01/2004 đều đã trưởng thành, không có nhược điểm về thể chất, tinh thần nên không xem xét. Giao con chung là cháu L Th Th, sinh ngày 14/10/2006 cho chị Đ Th M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu Th1 đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh L V Tr có quyền, nghĩa vụ đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở. 3.Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận anh L V Tr tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu L Th Th cho chị Đ Th M số tiền là **3.000.000 đồng**/01 tháng (*Ba triệu đồng*) kể từ tháng 7 năm 2022 đến khi cháu Th1 đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. 4.Về tài sản chung, công nợ chung: Anh Tr, chị M không yêu cầu nên tòa không xét.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn giải quyết về án phí ly hôn sơ thẩm và ấn định thời hạn kháng cáo của đương sự trong vụ án.

Sau khi Tòa án nhân dân huyện Ch M xét xử, ngày 22 -7-2022 chị Đ Th M kháng cáo

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các đương sự là anh L V Tr và chị Đ Th M đều giữ nguyên ý kiến như trình bày tại cấp sơ thẩm.

- Ý kiến của Kiểm sát viên về hoạt động tiến hành tố tụng của Tòa án và Hội đồng xét xử phúc thẩm là đúng quy định của pháp luật. Đương sự đã được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của chị Đ Th M, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên.

[1] Về tố tụng:

Chị Đ Th M có mặt tại phiên tòa sơ thẩm ngày 12/7/2022, nộp đơn kháng cáo ngày 22 /7/2022 và nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên được coi là kháng cáo hợp lệ.

[2].Tòa án nhân dân huyện Ch M, xác định tranh chấp Hôn nhân & Gia đình và giải quyết đúng thẩm quyền cũng như thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo:

[3].Nội dung kháng cáo của chị Đ Th M về phần tình cảm.

Chị M cho rằng chị còn tình cảm với anh Tr nên không đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng : Trong quá trình chung sống, giữa anh Tr và chị M phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra xích mích, cãi cọ, địa phương đã nhiều lần khuyên giải. Anh Tr và chị M đều xác định không còn quan tâm gì đến nhau, mỗi người ở mỗi nơi, việc ai người đó làm. Chị M cho rằng anh Tr không quan tâm đến mẹ con chị vì anh Tr có quan hệ với người phụ nữ khác nhưng không xuất trình tài liệu, chứng cứ gì. Tháng 10 năm 2020, anh Tr có đơn xin ly hôn chị M tại Tòa án nhân dân huyện Ch M. Ngày 18/11/2020, Tòa án nhân dân huyện Ch M xử không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Tr đối với chị M để tạo điều kiện cho vợ chồng về đoàn tụ nhưng chị M cũng không liên lạc với anh Tr, vợ chồng tiếp tục sống ly thân, mỗi người mỗi nơi không quan tâm, chăm sóc đến nhau. Trước yêu cầu xin ly hôn của anh Tr, chị M không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh Tr và chị M đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Yêu cầu của anh Tr xin ly hôn chị M là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được chấp nhận. Do vậy, yêu cầu kháng cáo của chị M là không có cơ sở.

Về con chung : Anh Tr và chị M xác nhận có 03 con chung là : L T Th, sinh ngày 17/4/2002; L T Đ, sinh ngày 28/01/2004; L Th Th, sinh ngày 14/10/2006. Hiện tại cháu Th và cháu Đ đã trưởng thành, không có nhược điểm về thể chất, tinh thần nên không xem xét. Cháu L Th Th hiện đang sống cùng với chị M. Trong biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa cháu Th1 không thể hiện quan điểm ở với ai vì không muốn bố mẹ ly hôn. Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/4/2022 của chị M cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Th1. Do vậy để đảm bảo cuộc sống ổn định của cháu Th1 cần giao cháu Th1 cho chị M tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Th1 đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị M không trình bày quan điểm về việc cấp dưỡng nuôi con. Tại cấp sơ thẩm, anh Tr tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cháu Th1 với chị M mỗi tháng 3.000.000 đồng. Tòa án huyện Ch M ghi nhận sự tự nguyện của anh Tr cấp dưỡng nuôi cháu Th1 cho chị M số tiền 3.000.000 đồng/01 tháng là phù hợp.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh Tr, chị M đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4].Do y án sơ thẩm nên chị Đ Th M phải chịu án phí Hôn nhân & Gia đình phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Từ nhận định trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án,

Xử : I. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Đ Th M giữ nguyên bản án sơ thẩm số 314/2021/HNGĐ-ST ngày 12/7/2022 của tòa án nhân dân Huyện Ch M cụ thể như sau:

1.Về hôn nhân: Anh L V Tr được ly hôn chị Đ Th M.

2.Về con chung: Cháu L T Th, sinh ngày 17/4/2002 và cháu L T Đ, sinh ngày 28/01/2004 đều đã trưởng thành, không có nhược điểm về thể chất, tinh thần nên không xem xét. Giao con chung là cháu L Th Th, sinh ngày 14/10/2006 cho chị Đ Th M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu Th1 đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Anh L V Tr có quyền, nghĩa vụ đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3.Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận anh L V Tr tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu L Th Th cho chị Đ Th M số tiền là **3.000.000 đồng/01 tháng (Ba triệu đồng)** kể từ tháng 07 năm 2022 đến khi cháu Th1 đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

4.Về tài sản chung, công nợ chung: Anh Tr, chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5.Về án phí sơ thẩm : Anh L V Tr phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về phần ly hôn và 300.000 đồng án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con chung. Được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0075795 ngày 05/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ch M, Tp. H N . Anh L V Tr còn phải nộp 300.000 đồng.

II.Án phí phúc thẩm : Chị Đ Th M phải chịu án phí phúc thẩm Hôn nhân & Gia đình.Chị đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2020/76094 ngày 26 - 7- 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ch M, thành phố H N .

III.Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 24-10-2022./.

- Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP H N ;
- Chi cục THA dân sự huyện Ch M; H N ;
- TAND Huyện Ch M
- Lưu: Văn Phòng, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

T TH X TH

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Các Thẩm phán

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

